

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC**

Số : 445/TCLTMB-KHQLV
V/v công bố thông tin của doanh nghiệp
theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2021

Kính gửi:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Thực hiện Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp trong đó có nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty Lương thực miền Bắc trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp về nội dung thông tin công bố: Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (Chi tiết theo biểu đính kèm)

Tổng công ty Lương thực miền Bắc trân trọng báo cáo./s

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TBKS, TGD (đề b/c);
- Ban TCKT;
- Tổ QL website;
- Lưu: VT, KHQLV.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Thanh Bằng



Biểu số 03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

TCT LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
MSDN: 0100102608

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch

- Sản lượng lương thực bán ra toàn Tổng công ty năm 2020 (quy gạo) là 1.884.119 tấn đạt 112% kế hoạch (KH: 1.677.910 tấn), trong đó lượng lương thực Công ty mẹ bán ra trong năm là 1.018.707 tấn đạt 103% kế hoạch.

- Sản lượng gạo xuất khẩu toàn Tổng công ty năm 2020 là 764.385 tấn đạt 117,23 % Kế hoạch (KH: 652.000 tấn), trong đó Công ty mẹ là 625.668 tấn đạt 109,77 % so với kế hoạch (KH: 570.000 tấn). Kim ngạch xuất khẩu toàn Tổng công ty đạt 344.872 ngàn USD. Công ty mẹ là 277.516 ngàn USD.

- Hợp cộng tổng doanh thu, thu nhập toàn Tổng công ty năm 2020 đạt 19.506.126 triệu đồng đạt 121,82 % kế hoạch. Trong đó, Tổng doanh thu Công ty mẹ là 10.464.308 triệu đồng đạt 116,67% so với Kế hoạch.

- Lợi nhuận hợp nhất toàn Tổng công ty sau kiểm toán năm 2020 là 384.458 triệu đồng. (Lợi nhuận hợp cộng năm 2020 là 375.701 triệu đồng đạt 117,41% kế hoạch). Trong đó, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ là 317.859 triệu đồng đạt 104,55% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ là 245.259 triệu đồng đạt 100,10% kế hoạch. Nộp ngân sách của Công ty Mẹ - Tổng công ty: 297.697 triệu đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn đầu tư của chủ sở hữu đạt 5,12%, bằng 100,4% kế hoạch được giao.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1 Thuận lợi

- Tổng công ty tiếp tục sở hữu nguồn vốn tự có với quy mô lớn so với các doanh nghiệp cùng ngành, với uy tín tín dụng cao do đó hoàn toàn chủ động về nguồn vốn để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Sau khi EVFTA được ký kết và chính thức có hiệu lực, cơ hội xuất khẩu các mặt hàng nông sản trong đó có gạo vào các thị trường như EU sẽ được mở rộng, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu tham gia.

- Hệ thống cơ sở sản xuất, chế biến gạo của Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong năm 2020 tiếp tục được đầu tư, cải tạo và nâng cấp góp phần đảm bảo năng lực cung ứng và chất lượng sản phẩm đầu ra, đáp ứng kịp thời các hợp đồng đã ký.

2.2 Khó khăn

- Năm 2020, thị trường lương thực chịu ảnh hưởng nặng nề chung bởi đại dịch Covid-19. Trong nước giá mặt hàng gạo biến động tăng nhanh do nhu cầu nội địa và dự trữ. Giá gạo nội địa cao trong khi nguồn cung hạn chế dẫn đến giá chào gạo xuất khẩu khó cạnh tranh. Đặc biệt nguồn cung gạo IR 50404 là loại nguồn gạo chính cho các thị trường của Tổng công ty thời gian qua giảm đáng kể do việc chuyển đổi cơ cấu gieo trồng sang các loại gạo cao cấp khác. Nguồn cung ít nên triển khai các hợp đồng số lượng lớn gặp khó khăn. Trong khi đó các nước điều chỉnh chính sách nhập khẩu gạo, do tập trung nguồn lực xử lý dịch Covid 19 nên giảm ngân sách nhập gạo, trong đó có gạo Việt Nam.

- Bên cạnh những khó khăn chung về biến động giá và nguồn cung, Tổng công ty còn gặp khó khăn riêng từ một số thị trường chính liên quan đến tình hình thanh toán, vì vậy việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch về gạo xuất khẩu gặp nhiều khó khăn

- Sản lượng xuất khẩu sản giảm so với kế hoạch đặt ra và so với cùng kỳ năm trước, ảnh hưởng đến quy mô doanh số của một số đơn vị thành viên có tham gia kinh doanh mặt hàng này.

- Những khó khăn nội tại về nguồn lực như vốn, cơ sở sản xuất và nhân lực tại các đơn vị thành viên, dù đã có bổ sung, nâng cấp song vẫn chưa đủ để xây dựng được thị phần, năng lực cạnh tranh đảm bảo khả năng phát triển ổn định và bền vững.

- Giai đoạn 2017-2020, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực quản lý doanh nghiệp nhà nước, đất đai, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước theo hướng hiệu quả và chặt chẽ hơn, song do sự thay đổi nhanh các quy định trong thời gian ngắn khiến các vướng mắc phát sinh đối với các vấn đề mới chậm được xem xét, hướng dẫn và giải quyết, dẫn tới quá trình cổ phần hóa, thoái vốn của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong Tổng công ty nói riêng bị ảnh hưởng rất lớn.

2.3 Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Giá lúa gạo tăng nhanh với biên độ lớn trong những tháng đầu năm 2020 đã ảnh hưởng rất lớn đến việc triển các phương án sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Tổng công ty, làm tăng giá vốn đối với các Hợp đồng đã ký, có phương án

kinh doanh không đảm bảo đủ hàng giao cho khách hoặc chuyển từ có hiệu quả sang phát sinh lỗ.

- Ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid khiến hoạt động của nhiều doanh nghiệp trong Tổng công ty bị ảnh hưởng, một số dự án chậm triển khai so với kế hoạch.

- Công tác thoái vốn giai đoạn 2018-2020 chậm hoàn thành so với giai đoạn 2011-2015 nguyên nhân chủ yếu do chính sách mới quy định việc xác định giá trị doanh nghiệp khi thoái vốn phải tính cả giá trị tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm quyền tạo bởi quyền sử dụng đất thuê trong khi nhiều doanh nghiệp thuộc đối tượng thoái vốn của Tổng công ty vẫn còn một/một số cơ sở nhà đất chưa được xác lập hợp đồng thuê với địa phương dẫn tới chưa đủ cơ sở xác định giá khởi điểm để thoái vốn.

Công tác cổ phần hóa cũng gặp khó khăn liên quan đến việc bổ sung các quy định về việc hoàn thành phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP theo phạm vi rộng hơn Nghị định hiện hành dẫn đến tiến độ cổ phần hóa của Tổng công ty không đảm bảo theo kế hoạch được duyệt.

Bảng số 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc năm 2020

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch (Cty mẹ)	Giá trị thực hiện (Cty mẹ)	Giá trị thực hiện Tổ hợp Cty mẹ - Cty con (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Gạo	Tấn	143.365	165.752	306.715
b)	Tám, cám	Tấn	79.280	97.215	171.465
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	8.969	10.464	19.506
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	304	318	376
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	236	245	286
5	Thuế, khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	227	298	416
6	Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ đồng	5.227	6.416	8.036
7	Sản phẩm dịch vụ công ích				
8	Tổng số lao động	Người	338	322	1.697
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	63	64	137
a)	Quỹ lương Người quản lý	Tỷ đồng	3	3	3
b)	Quỹ lương Người lao động	Tỷ đồng	62	61	134

Ghi chú: Để đảm bảo tính so sánh trên cơ sở Kế hoạch xây dựng cho toàn Tổ hợp là Kế hoạch Tổng hợp, số liệu trong Phụ lục này là số liệu tổng hợp tình hình thực

hiện Kế hoạch của cả Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con, không phải là số liệu hợp nhất.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

Năm 2020, do xảy ra dịch bệnh Covid-19 với diễn biến phức tạp, một số thời gian phải giãn cách xã hội theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ nên đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác đầu tư xây dựng của Tổng công ty. Đứng trước tình hình khó khăn chung, Tổng công ty Lương thực miền Bắc chủ yếu tập trung nguồn lực vào sản xuất kinh doanh các lĩnh vực chính, chủ đạo đáp ứng yêu cầu dự trữ lưu thông khi cần thiết và xuất khẩu theo chỉ đạo của Chính phủ.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện có phần khiêm tốn, chủ yếu đi vào hoàn thiện các công việc từ năm trước chuyển sang như thi công các gói thầu dở dang, công tác quyết toán dự án hoàn thành; đồng thời cũng thực hiện một số dự án đầu tư mới với quy mô nhỏ dưới 15 tỷ như xây dựng bổ sung kho chứa, đầu tư nâng cấp, bổ sung dây chuyền thiết bị chế biến gạo tại các Chi nhánh của Tổng công ty. Trong năm 2020, Tổng công ty Lương thực miền Bắc không phát sinh thêm dự án có tổng mức đầu tư nhóm B mà chỉ thực hiện chuyển tiếp 2 dự án nhóm B từ năm 2018 và 2019.

Tại các công ty con, công ty liên kết, dự án đầu tư lớn nhất được triển khai trong năm 2020 là dự án tăng công suất thêm 550 tấn lúa/ngày và mở rộng Silos của Công ty TNHH SX Bột mỳ Vimaflour. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid nên trong năm Công ty chỉ thực hiện được hợp phần tăng công suất 550 tấn lúa/ngày. Riêng hợp phần mở rộng Silo bị chậm tiến độ do các thủ tục cấp phép và sau đó là giãn cách xã hội do Covid, đến nay do giá sắt thép tăng rất cao làm thay đổi lớn tổng mức đầu tư nên vẫn chưa tiến hành triển khai được.

Bảng số 2: Tình hình thực hiện đầu tư của Tổng công ty

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ.đ)	Vốn chủ sở hữu (tỷ.đ)	Vốn vay (tỷ.đ)	Vốn khác (tỷ.đ)	Tổng giá trị thực hiện đến thời điểm báo cáo (tỷ.đ)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm 2018 đến năm 2020)
Dự án quan trọng quốc gia	0						
Dự án nhóm A	0						
Dự án nhóm B	2						

1	Dự án nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là Nhà máy chế biến Nông sản 2 tại phường xã Nhơn Thọ và Nhơn Hòa thị xã An Nhơn, Bình Định	90	90	0	0	88	QĐ số 295/TCTLT MB-HĐTV ngày 31/10/2018 của HĐTV TCT
2	Dự án nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là nhà máy chế biến lúa gạo tại Lấp Vò- Đồng Tháp	70	70	0	0	69	QĐ số 281/TCTLT MB-HĐTV ngày 23/10/2018 của HĐTV

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Năm 2020, mặc dù có nhiều tác động bất lợi nhưng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên cả năm nhìn chung có dấu hiệu tích cực với 22/24 công ty con kinh doanh có hiệu quả.

Bảng số 3: Tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các công ty con do Công ty mẹ nắm cổ phần, vốn góp chi phối

ĐVT: Triệu đồng

Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về Công ty mẹ	Thuế khoản đã nộp NSNN	Tổng nợ phải trả (*)
Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam	47.800	47.800	61.870	200.677	-4.251	-4.251		1.257	38.797
Công ty TNHH MTV LT Lương Yên	40.000	40.000	39.163	244.555	109	15		666	3.703
Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
Công ty CP XNK LTTP Hà Nội	30.000	15.300	191.678	737.225	12.580	1.612	765	12.802	143.143
Công ty CP XD và CBLT Vĩnh Hà	215.000	109.650	265.696	530.776	6.194	6.194	2.303	21.326	37.125
Công ty CP Phân phối bán lẻ - VNF1	173.905	139.629	109.816	186.393	274	274		1.259	10.722
Công ty CP Lương thực Hà Sơn Bình	17.890	9.124	56.392	66.362	-2.106	-2.106		1.724	37.789
Công ty CP Lương thực Hà Bắc	18.847	9.653	102.398	472.875	578	455		3.086	188.882
Công ty CP Lương thực Đông Bắc	36.792	31.898	49.787	377.132	861	433		7.338	10.712
Công ty CP Lương thực Cao Lạng	10.770	6.900	64.526	662.502	750	600	311	1.590	51.708
Công ty CP Lương thực Hà Giang	10.000	8.904	14.489	90.169	150	129		703	3.917
Công ty CP Lương thực Tỉnh Điện Biên	5.000	3.616	10.744	48.805	18	16		141	5.501

Công ty CP Lương thực Sơn La	12.000	6.138	53.646	154.567	189	180		2.453	40.990
Công ty CP Lương thực Yên Bái	5.403	4.413	19.511	293.424	179	143		1.100	13.672
Công ty CP Lương thực Tuyên Quang	5.000	3.801	5.488	57.624	21	18		474	836
Công ty CP Lương thực Thái Nguyên	8.800	6.792	13.420	103.251	250	215	125	1.265	3.898
Công ty CP Lương thực Sông Hồng	11.200	5.712	24.548	183.677	901	469		1.519	10.410
Công ty CP Lương thực Nam Định	11.875	6.056	13.188	136.937	15	15		1.692	6.830
Công ty CP Lương thực Thanh Hóa	10.500	6.825	33.267	233.357	252	202		662	18.216
Công ty CP LT Thanh Nghệ Tĩnh	45.000	38.250	26.800	156.005	344	344		3.680	108.727
Công ty CP Lương thực Hà Tĩnh	15.000	10.130	42.094	847.180	334	267		5.145	23.946
Công ty CP Lương thực Bình Trị Thiên	24.366	12.427	14.493	124.868	927	927		2.119	7.501
Công ty CP Muối và NS Miền Trung	7.080	3.682	16.442	51.862	18	18		609	10.145
Công ty CP Bột mỳ Vinafood1	242.000	236.627	320.631	626.372	3.393	3.054	1.136	42.235	75.157
Công ty TNHH LT Phương Đông	302.104	202.410	504.922	2.455.222	35.863	31.761		3.677	201.811

Ghi chú (): Chỉ tiêu Tổng nợ phải trả ngoài nợ vay ngân hàng, còn bao gồm các khoản mục khác như Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, dài hạn, Người mua trả tiền trước, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản phải trả khác...*